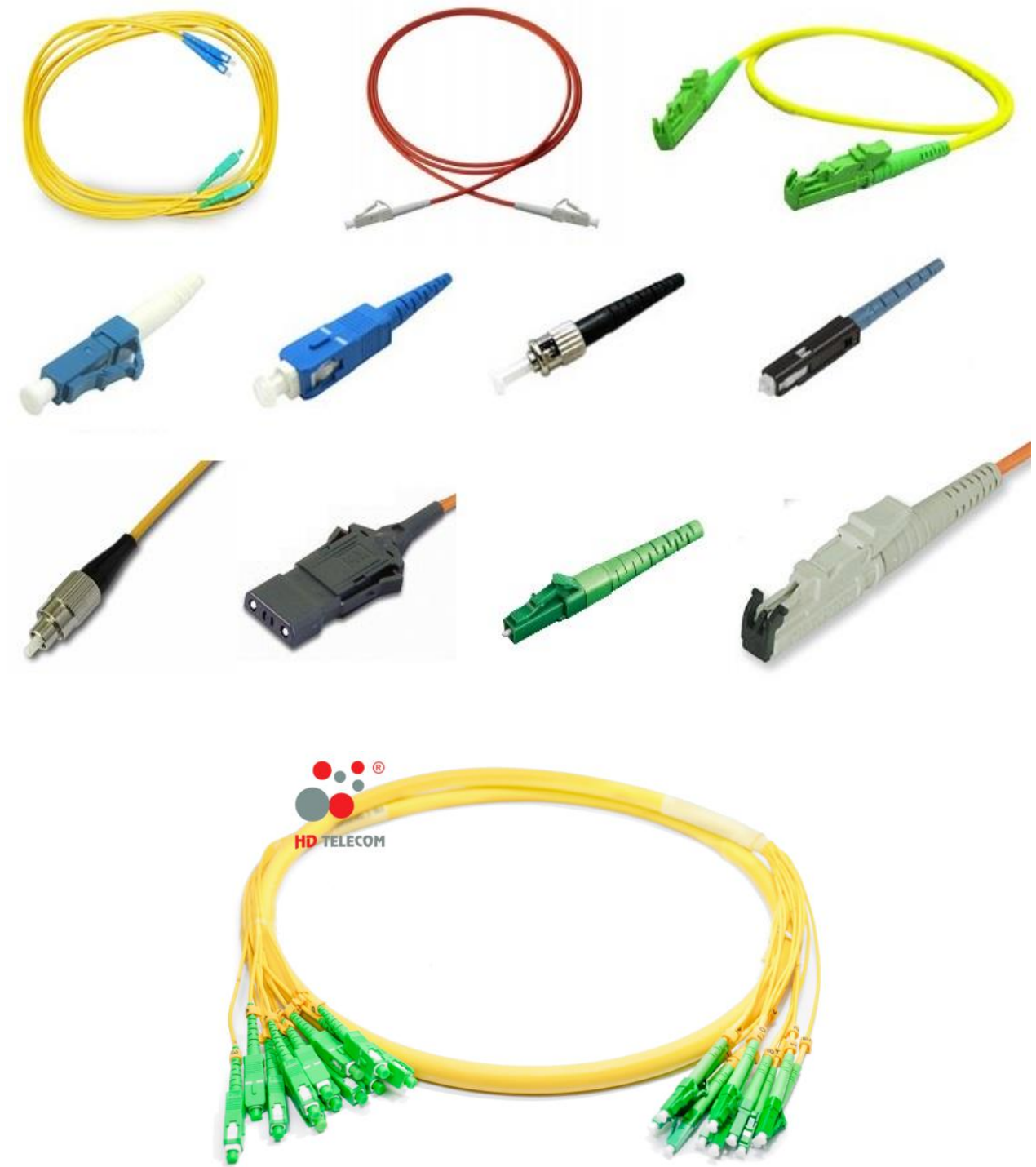


DÂY NHẢY QUANG SM, MM

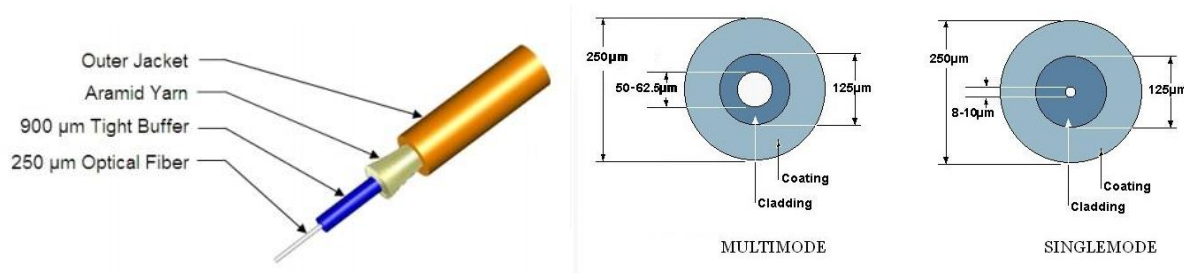
Dây nhảy quang các loại SM, MM, SX, DX, Fan-out..

Dây nhảy quang do HD sản xuất được sử dụng rộng rãi cho các thiết bị đầu cuối, truyền dữ liệu, mạng viễn thông, công nghiệp, thiết bị đo, các hệ thống LAN, MAN, WAN, truyền hình cáp, Multi media, các hệ thống thông tin quang khác....



DÂY NHẢY QUANG SM, MM

Cấu trúc cáp



Các thông số chung

| | |
|------------------------|--|
| Tiêu chuẩn dây | Singlemode 9/125 G.652D ; G.655 ;G.657A ; Multimode OM1 ; OM2; OM3; OM4 ; OM4+; |
| Loại dây | Dây đơn (Simplex)/dây đôi (Duplex) |
| Loại cáp | Lớp vỏ PVC tiêu chuẩn OFNR-rated (Optical Fiber Non-conductive Riser) hoặc lớp vỏ chống cháy LSZH (Low Smoking Zero Halogen) theo yêu cầu |
| Single fiber diameter | 0.9mm / 1.6mm / 2.0 mm / 3.0mm |
| Màu sắc vỏ cáp | Singlemode (G652D, G655, G657) :Màu vàng ; Multimode (OM1, OM2) : Màu cam ; Multimode (OM3, OM4) :Màu xanh aqua ; Multimode (OM4+) :Màu tím; Singlemode/Multimode 0.9mm (12 màu) : Theo chuẩn TIA/EIA-598 |
| Loại đầu kết nối | Có các loại đầu kết nối SC, ST, LC, FC, MU, ESCON, E2000, dùng cho Singlemode và Multimode, bao gồm cả loại UPC và APC theo yêu cầu |
| Màu sắc đầu kết nối | (Singlemode, UPC): Xanh lơ; (Singlemode, APC):Xanh lục; (Multimode): Xám hoặc màu ghi; Màu khác: Đen (đầu FC), Đỏ (Loại sử dụng công suất cao) |
| Suy hao chèn | Xem trong phần thông số đầu kết nối |
| Suy hao phản hồi | Xem trong phần thông số đầu kết nối |
| Bước sóng | (Multimode): 850nm, 1300nm; (Singlemode): 1310nm, 1550 nm, 1490nm, 1625nm |
| Bán kính cong nhỏ nhất | (G.652D, G.655, OM1,OM2, OM3, OM4):R = 5cm;(G.657): R= 3cm |
| Lực căng cáp | (0.9mm đơn) Lắp đặt: 60N; Hoạt động: 40N (1.6mm đơn) Lắp đặt: 90N; Hoạt động: 50N (1.6mm Đôi, loại zipcord) Lắp đặt: 180N; Hoạt động: 80N (2.0mm đơn) Lắp đặt: 150N; Hoạt động: 70N (2.0mm Đôi, loại zipcord) Lắp đặt: 300N; Hoạt động: 140N (3.0mm đơn) Lắp đặt: 200N; Hoạt động: 100N (3.0mm Đôi, loại zip cord) Lắp đặt: 400N; Hoạt động: 200N Dây 12/24 lõi (Fan-out): Hoạt động 200N |
| Lực nén | (0.9mm)100N/10cm (1.6mm) 300N/10cm (2.0mm) 550N/10cm (3.0mm) 620N/10cm |

DÂY NHẢY QUANG SM, MM

| | |
|--------------------|---|
| | Dây 12/24 lõi (Fan-out): Lắp đặt 1000N/10cm; Hoạt động 200N/10cm |
| Nhiệt độ hoạt động | -20°C ~ +75°C |
| Nhiệt độ bảo quản | -40°C ~ +85°C |
| Độ ẩm | 0~95% |
| Độ bền cắm rút | ≥ 500 lần (bảo đảm suy hao chèn ≤ 0.5 dB) |
| Chiều dài cáp | 0.5m, 1m, 2m, 5m, 10m, 15m, 20m, 25m, 30m, 35m... hoặc theo yêu cầu |
| Sử dụng | Dây nhảy quang dùng trong nhà |
| Bảo hành | 1 năm |

Thông số sợi quang

| Loại sợi quang | Single mode G652D, G655, G657A | Multimode OM1 | Multimode OM2, OM3, OM4 |
|---------------------------|---|--|--|
| Core/Cladding (μm) | 9/125 | 62.5/125 | 50/125 |
| Sai số đồng tâm | 0.6 μm | 5 μm | 3 μm |
| Độ méo của lớp core | - | ≤ 5% | ≤ 4% |
| Độ méo cladding | ≤ 1% | ≤ 1% | ≤ 0.7% |
| Bước sóng | 1310nm; 1550nm | 850nm; 1300nm | 850nm; 1300nm |
| Chiết suất sợi quang | Step index: Core $n_1 = 1.467$; Cladding $n_2 = 1.463$ | Graded index: Core: Chiết suất 1.488 ở tâm, giảm dần đến 1.463 ở bên ngoài Cladding: 1.460 | Graded index: Core: Chiết suất 1.483 ở tâm, giảm dần đến 1.467 ở bên ngoài Cladding: 1.460 |
| Khẩu độ (NA) | 0.11 | 0.27 | 0.20 |
| Bước sóng cắt | For G652D, G657A: $\lambda_{cc} \leq 1260\text{nm}$; For G655: $\lambda_{cc} \leq 1450\text{nm}$ | - | - |
| Bước sóng tán sắc không | For G652D, G657A: $1302\text{nm} < \lambda_0 < 1322\text{nm}$ For G655: $\lambda_0 < 1520\text{nm}$ | $1332\text{nm} < \lambda_0 < 1354\text{nm}$ | $1295\text{nm} < \lambda_0 < 1340\text{nm}$ |
| Tán sắc | @1310nm ≤ 3.5ps/(nm*km) @1550nm ≤ 18ps/(nm*km) | - | @850nm ≤ 120 ps/(nm*km) @1300nm ≤ 6 ps/(nm*km) |
| PMD | 0.20 ps/√km | - | - |
| Suy hao | @1310nm: ≤ 0.4 dB/km @1550nm: ≤ 0.3 dB/km | @850nm: ≤ 3.5 dB/km @1300nm: ≤ 1.0 dB/km | @850nm: ≤ 2.8 dB/km @1300nm: ≤ 0.9 dB/km |
| Khoảng cách truyền tối đa | 10000m (10km) | 2000m ở tốc độ 100M 275m ở tốc độ 1G 33m ở tốc độ 10G | OM2: 82m ở 10G OM3: 300m ở 10G OM4: 550m ở 10G |
| Băng thông | ~100THz*km | 200MHz*km | OM2: 500MHz*km OM3: 1500MHz*km OM4: 3500MHz*km |
| Lực căng lõi sợi tối đa | 0.69 GN/m ² | 0.69 N/m ² | 0.69N/m ² |
| Nhiệt độ hoạt động | -20~+80°C | -20~+75°C | -20~+75°C |


HD TELECOM

DÂY NHẢY QUANG SM, MM

Thông số đầu nối

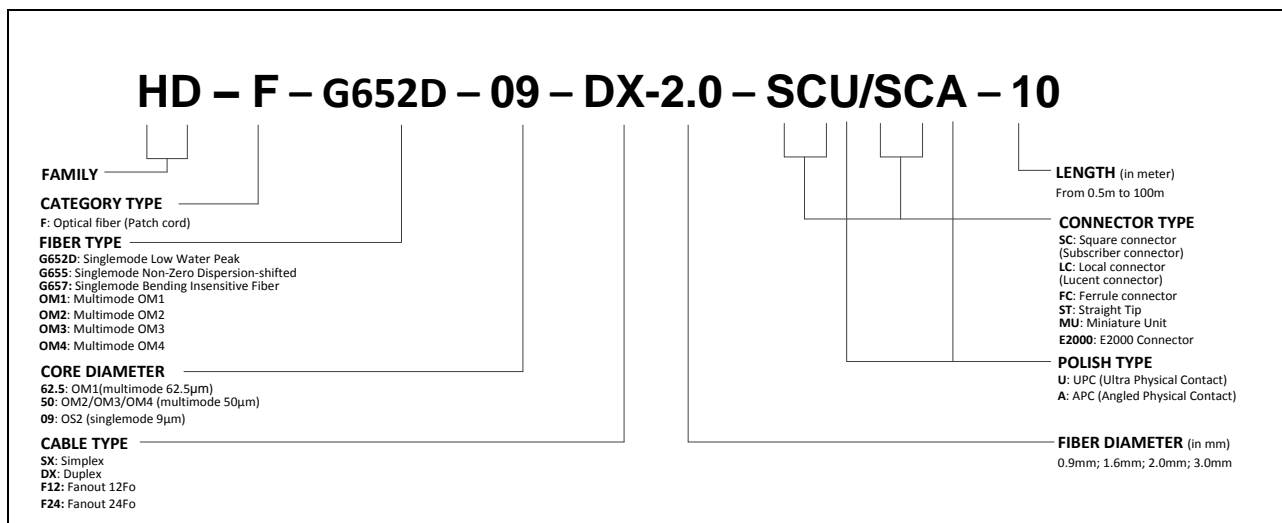
| | | | |
|------------------------|--|-------------------|--|
| Loại đầu nối | LC, MU | SC, FC, ST, ESCON | E2000, E2000 PS |
| Đường kính ống sữa | 1.25mm | 2.5mm | 2.5mm |
| Vật liệu ống sữa | Sứ | | |
| Góc mài (cho APC) | 8° | 8° | 4°; 8° |
| Suy hao chèn | (UPC, SM) ≤ 0.3 dB (APC, SM) ≤ 0.45 dB (UPC, MM) ≤ 0.5 dB | | (UPC, SM) ≤ 0.4 dB (APC, SM) ≤ 0.4 dB (UPC, MM) ≤ 0.4 dB |
| Suy hao phản hồi | (UPC, SM) ≥ 50 dB (APC, SM) ≥ 60 dB (UPC, MM for 50/125) ≥ 30 dB (UPC, MM for 62.5/125) ≥ 28 dB | | (UPC, SM) ≥ 45 dB (APC, SM) ≥ 62 dB (UPC, MM) ≥ 35 dB |
| Số lần cắm rút | ≥ 500 | ≥ 500 | ≥ 500 |
| Công suất quang tối đa | 25 dBm (300mW) | 25 dBm (300mW) | 35 dBm (3W), hoặc 38 dBm (6W) với đầu E2000 PS |

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng dựa trên:

- Loại sợi quang: Singlemode 9/125, Multimode 62.5/125, multimode 50/125...
- Kiểu sợi: Đơn (Simplex hay SM) hoặc Đôi (Duplex hay DX), dây Fan-out 12 lõi (F12), hoặc dây Fanout 24 lõi (F24)
- Đường kính sợi: 0.9mm; 1.6mm; 2.0mm; 3.0mm
- Loại đầu nối (riêng rẽ cho 2 đầu): SC, LC, ST, FC, E2000...
- Kiểu mài sợi (riêng rẽ cho 2 đầu): UPC, APC
- Chiều dài: 0.5m, 10m, 20m, 50m

Ví dụ mã hàng **HD-F-G652D-09-DX-2.0-SCU/SCA-10** có thông tin chi tiết như sau



HD DEVELOPMENT TECHNOLOGY AND INVESTMENT, JSC

No. 10 Thiên Hiền Str., Mỹ Đình 1 Ward, Nam Từ Liêm Dist., Hanoi, Vietnam

Tel: (+84)24 3212 3272

Website: hdtelecom.com.vn

Email: info@hdtelecom.com.vn